

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **81/2019/DS-ST**

Ngày: 19-3-2019

V/v tranh chấp "*Hợp đồng*

Mua bán tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2018/TLST-DS ngày 11/12/2018 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-DS ngày 28/02/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thị Kim C, sinh năm 1965. Nơi cư trú: ấp AH, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Trần Văn Đ, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 155/6, ấp AN, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Châu Thị L, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số 155/6, ấp AN, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/10/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C trình bày:

Vào năm 2016 ông Trần Văn Đ và bà Châu Thị L có mua của bà thức ăn để nuôi tôm và còn nợ lại số tiền 46.545.000 (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Sau nhiều lần điện thoại nhắc nhở trả nợ nhưng ông Đ, bà L cứ hẹn mà không trả.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn Đ và bà Châu Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 46.545.000 (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng, trả một lần không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Đ vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng ông Đ trình bày:

Ông Đ thừa nhận ông và bà Châu Thị L còn nợ của bà Phạm Thị Kim C số tiền mua thức ăn nuôi tôm là 46.545.000 (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng, nhưng đến nay chưa trả cho bà Kim C. Ông và bà L đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kim C số tiền này, nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, trả cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Châu Thị L vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Phạm Thị Kim C tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Trần Văn Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Trần Văn Đ và bà Châu Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà L.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn Phạm Thị Kim C với bị đơn ông Trần Văn Đ được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Trần Văn Đ đã thừa nhận ông Đ và bà Châu Thị L còn nợ của bà Phạm Thị Kim C số tiền 46.545.000 (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng và yêu cầu xin được trả dần hàng tháng 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, trả cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu của ông Đ không được bà Kim C đồng ý.

Xét thấy việc ông Đ, bà L nợ bà Kim C số tiền 46.545.000 (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng nhưng chưa thanh toán cho bà Kim C đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Kim C nên căn cứ quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim C buộc ông Trần Văn Đ, bà Châu Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền 46.545.000 (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng, bà Kim C không yêu tính lãi nên không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C được Tòa án chấp nhận nên ông Trần Văn Đ, bà Châu Thị L phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông Đ, bà L phải liên đới nộp (46.545.000 đồng x 5%) là: 2.327.250 (Hai triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm năm mươi) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C. Buộc ông Trần Văn Đ, bà Châu Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền 46.545.000 (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Đ, bà Châu Thị L có nghĩa vụ liên đới nộp: 2.327.250 (Hai triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm năm mươi) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Phạm Thị Kim C được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.164.000 (Một triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0021531, ngày 11 tháng 12 năm 2018.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết